

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2026/DS-ST

Ngày: 26 – 01 - 2026

*V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Lân

2. Bà Cao Thị Hồng Châu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2025; về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 09/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thượng Thị Hồng T, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 88 Thôn C, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Nam G (vắng mặt)

Địa chỉ: 21 T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Thượng Thị Hồng T trình bày: Bà chỉ có quan hệ quen biết với ông Hoàng Nam G, không có quan hệ họ hàng gì cả. Ngày 28/6/2022 ông G có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/năm, thời hạn vay 03 năm, mục đích vay để làm gì thì bà T không biết. Đến hạn sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên, khi đến hạn bà T đòi nợ thì ông G trốn tránh, gọi điện thì không nghe máy. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông

G có trách nhiệm trả cho bà T 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh 10%/năm tính từ ngày vay cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Hoàng Nam G đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông Hoàng Nam G và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 119, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Buộc ông Hoàng Nam G phải trả cho bà Thượng Thị Hồng T số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Thượng Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Nam G trả 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Hoàng Nam G cư trú tại xã Q, tỉnh Đắk Lắk trên nên căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

Về tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Nam G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số nợ: Ngày 28/6/2022 ông Hoàng Nam G vay của bà Thượng Thị Hồng T số tiền 60.000.000 đồng, phía dưới mục người vay có chữ viết của ông Hoàng Nam G. Do ông G không tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và

chữ viết của ông G. Tại kết luận giám định số 1088/KL-KTHS ngày 26/11/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ viết trong giấy cho vay tiền bên mục người vay của ông Hoàng Nam G trong giấy vay cho tiền ngày 28/6/2022 là chữ viết của ông Hoàng Nam G. Như vậy, việc ông Hoàng Nam G ký kết hợp đồng vay số tiền 60.000.000 đồng của bà Thượng Thị Hồng T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc ông G không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông G trả nợ là có căn cứ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Nam G có trách nhiệm trả nợ cho bà Thượng Thị Hồng T số tiền 60.000.000đ là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Lãi suất do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận 10%/năm. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 10%/ năm (0,83%/tháng) kể từ ngày vay 28/6/2022 để tính lãi đối với khoản vay 60.000.000 đồng tính đến ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính như sau:

- Từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 26/01/2026 là:

$60.000.000 \text{ đồng} \times 1308 \text{ ngày} \times 0,83\% : 30 = 21.713.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}$

Tổng số tiền mà bị đơn ông G có có trách nhiệm trả cho bà T là 81.713.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 60.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 21.713.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Hoàng Nam G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $81.713.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.085.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}$. Bà Thượng Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Hoàng Nam G phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Thượng Thị Hồng T số tiền 3.000.000đ tiền giám định chữ ký chữ viết bà T đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thượng Thị Hồng T.

Buộc ông Hoàng Nam G có nghĩa vụ trả cho bà Thượng Thị Hồng T số tiền 81.713.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 60.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 21.713.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Hoàng Nam G phải chịu 4.085.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thượng Thị Hồng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005663 ngày 17/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đắk Lắk.

Chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Nam G có nghĩa vụ trả cho bà Thượng Thị Hồng T số tiền 3.000.000đ chi phí giám định.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS khu vực 3 – Đắk Lắk ;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu